

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HSST

Ngày: 08 - 4 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Đới Văn Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2021, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2021/HSST ngày 03/02/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 05/3/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 tại H, C, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành V và bà Phạm Thị L; có chồng là Bùi Văn H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Anh Nguyễn Kim H1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

** Người làm chứng:* Anh Nguyễn Kim H2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, ngày 09/7/2018, bà Phạm Thị P gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề và được L cho vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất vay là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Bà P viết nội dung vay tiền vào mẫu giấy vay tiền in sẵn của L, trong giấy ghi số tiền gốc, không ghi lãi suất và đưa cho L giữ. Sau khi viết giấy vay tiền xong, bà P vay thêm của L 1.000.000đ và đồng ý nhận trả nợ thay cho anh Nguyễn Kim H1 (là con trai bà P) số tiền 3.000.000đ anh H1 vay của L trước đó. Tổng số tiền bà P vay của L là 34.000.000đ, lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 27/4/2020, bà P và L chốt nợ là 34.000.000đ tiền gốc và 66.000.000đ tiền lãi, tương đương mức lãi suất 107,68%/01 năm. Ngày 27/4/2020, bà P không nhận trả cho anh H1 số tiền 3.000.000đ nên từ ngày 27/4/2020 số tiền bà P vay của L là 31.000.000đ, lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Ngày 23/10/2020, bà P và con trai là anh Nguyễn Kim T đến nhà L để tính số tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/10/2020 là: 16.500.000đ, tương đương với mức lãi suất 108,53%/1 năm. Tổng số tiền lãi tính từ khi cho bà P vay tiền là: 82.500.000đ. Quá trình vay, bà P đã trả cho L 14.700.000đ tiền lãi. Số tiền bà P còn phải trả L là 31.000.000đ tiền gốc và 67.800.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, khi hai bên tính tiền lãi và gốc để chốt nợ thì tính nhầm số tiền bà P phải trả L là: 111.500.000đ, trong đó: 31.000.000đ tiền gốc; 80.500.000đ tiền lãi. Bà P và L thỏa thuận khi bà P trả hết tiền gốc và lãi L sẽ cho lại bà P 18.500.000đ. Việc chốt nợ, trả tiền lãi được L tự ghi chép vào 01 cuốn sổ loại Reward 320 trang, bìa xanh.

Ngày 09/11/2020, bà P và anh T mang tổng số tiền 111.500.000đ, chia làm 02 cọc tiền: 01 cọc là 31.000.000đ buộc bằng dây chun, phía bên trên có mảnh giấy ghi “TIỀN GỐC” “31 triệu”; và 01 cọc tiền là 80.500.000đ, buộc bằng dây chun, ghi “TIỀN LÃI 80 triệu 500” đến nhà L để trả thì bà P bảo L tính lại số tiền lãi. Hai bên chốt lại số tiền gốc và lãi bà P phải trả là: 31.000.000đ tiền gốc và 67.800.000đ tiền lãi. L đã nhận đủ số tiền trên và bảo bà P trả 3.000.000đ tiền gốc cho anh Nguyễn Kim H1, bà P đồng ý. Sau khi trả các khoản tiền, bà P còn lại số tiền là: 9.700.000đ. Do đã thỏa thuận khi bà P trả hết tiền, L cho bà P 18.500.000đ nên L cho bà P 8.800.000đ. Khi bà P và anh T đang kiểm đếm lại số tiền 18.500.000đ thì lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ: 01 mảnh giấy trắng có dòng kẻ, kích thước (6x14)cm trên giấy ghi “TIỀN GỐC” “31 triệu”; 01 mảnh giấy trắng, có dòng kẻ, kích thước (5,5x16,5)cm trên giấy ghi “TIỀN LÃI 80 triệu 500”; 01 cuốn sổ loại reward 320 trang, bìa xanh, kích thước (16,5x23,5)cm, bên trong ghi các thông tin về khoản nợ, có chữ ký xác nhận của L vào từng trang sổ; 04 mảnh giấy có kích thước khác nhau, ghép lại thành 01 tờ giấy vay tiền; Số tiền 111.500.000đ; 01 tờ giấy vay tiền kích thước (21x29,5)cm trên tờ giấy có ghi thông tin khoản vay tiền đề

ngày 30/3/2018 của anh Nguyễn Kim H1; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 944720, mang tên hộ ông Nguyễn Kim L, bà Phạm Thị P.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị L, thu giữ:

- 01 chứng minh nhân dân số 101318361, mang tên Nguyễn Kim H1, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/6/2014;

- 01 căn cước công dân số 030170002449, mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 12/7/2017;

- 01 sổ hộ khẩu mang tên: Hoàng Văn H số 270706907;

- 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị M;

- 06 giấy vay vay tiền mang tên Nguyễn Thị H3;

- 03 giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh T;

- 06 mẫu giấy vay tiền chưa ghi nội dung;

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị P yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L hoàn trả lại số tiền 67.200.822đ mà bị cáo L đã thu lợi bất chính của bà P và đề nghị được nhận lại số tiền L đã tính nhằm lên cùng với số tiền L đã cho bà, tổng là 18.500.000đ.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-CL ngày 01/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo cũng xác định do bị cáo chưa lấy được tiền từ bà P trả nên bị cáo không đồng ý cho bà P số tiền 8.800.000đ như đã hứa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 35, Điều 36, điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% đến 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Giao Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp

với Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Trả lại bà Phạm Thị P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 938 QSDĐ/An Sinh, mang tên hộ ông Nguyễn Kim L, bà Phạm Thị P; Trả lại anh Nguyễn Kim H1 01 chứng minh nhân dân số 101318361, mang tên Nguyễn Kim H1, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/6/2014. Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L 01 căn cước công dân số 030170002449 mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 12/7/2017, 01 sổ hộ khẩu mang tên: Hoàng Văn H số 270706907, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị M, 06 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị H3, 03 giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh T, 06 giấy vay tiền chưa ghi nội dung để bị cáo quản lý. Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo tổng số tiền là 32.299.178đ; Trả lại bà P 76.900.822đ; trả lại anh Bùi Văn H 17.000.000đ; Đối trừ với số tiền đã thu là 111.500.000đ, buộc bị cáo phải nộp tiếp 14.700.000đ sung quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2018 đến ngày 27/4/2020, bị cáo Nguyễn Thị L cho bà Phạm Thị P vay số tiền là 34.000.000đ với mức lãi suất cho vay là 107,68%/ 01 năm (vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Thời gian từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/10/2020, bị cáo Nguyễn Thị L cho bà Phạm Thị P vay số tiền là 31.000.000đ với mức lãi suất cho vay là 108,53%/ 01 năm (vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Tổng số tiền lãi L thu được là 82.500.000đ. Trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 67.200.822đ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có chồng là Bùi Văn H được nhà nước tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua năm 2001" và "Chiến sĩ giỏi năm 2000", do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt mới đủ để cải tạo, răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo vi phạm quy định trong hoạt động cho vay, do vậy cần áp dụng Điều 32, Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình phạt tiền để đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo, cũng như đảm bảo tình hình an ninh trật tự.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- 01 mảnh giấy trắng có dòng kẻ, kích thước (5,5x16,5)cm trên giấy ghi “TIỀN LÃI 80 triệu 500”; 01 cuốn sổ loại reward 320 trang, bìa xanh, kích thước (16,5x23,5)cm, bên trong ghi các thông tin về khoản nợ, có chữ ký xác nhận của L vào từng trang sổ; 04 mảnh giấy có kích thước khác nhau, ghép lại thành một tờ giấy vay tiền, 01 tờ giấy vay tiền kích thước (21x29,5)cm trên tờ giấy có ghi thông tin khoản vay tiền đề ngày 30/3/2018 của anh Nguyễn Kim H1. Đây là các chứng cứ tài liệu quan trọng, được lưu trong hồ sơ vụ án nên không đặt ra xử lý.

- Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 938 QSDĐ/An Sinh, mang tên hộ ông Nguyễn Kim L, bà Phạm Thị P; 01 chứng minh nhân dân số 101318361, mang tên Nguyễn Kim H1, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/6/2014, là giấy tờ bà P, anh H1 tự nguyện đưa cho bị cáo L giữ để làm tín chấp cho các khoản vay

với bị cáo, nay đã trả xong, bà P, anh H1 có yêu cầu nhận lại nên cần trả lại cho bà P, anh H1 theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 căn cước công dân số 030170002449 mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 12/7/2017, 01 sổ hộ khẩu mang tên: Hoàng Văn H số 270706907, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị M, 06 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị H3, 03 giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh T, 06 giấy vay tiền chưa ghi nội dung, là tài sản của bị cáo và của bà M, bà H, anh T giao cho bị cáo quản lý hợp pháp nên cần trả lại bị cáo L theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền gốc là 34.000.000đ là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, do số tiền gốc 34.000.000đ là tài sản chung của bị cáo và chồng là anh Bùi Văn H; anh H không biết việc bị cáo sử dụng tài sản chung để cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính và có đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần xem xét trả lại cho anh H 1/2 số tiền gốc là 17.000.000đ và tịch thu sung quỹ nhà nước 17.000.000đ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Số tiền 15.299.178 đồng là tiền lãi bị cáo thu được trong quá trình cho vay tương ứng với lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự, (bà P đã trả cho bị cáo L), đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Bộ luật hình sự.

+ Số tiền 67.200.822 đồng là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo L thu lợi bất chính của bà P nên cần trả lại cho bà P theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Số tiền 9.700.000 đồng là tiền bị cáo L tính nhảm của bà P nên cần phải trả lại cho bà P theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tổng cộng: Tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo tổng số tiền là 32.299.178đ; trả lại bà P 76.900.822đ; trả lại anh Bùi Văn H 17.000.000đ; Đối trừ với số tiền đã thu là 111.500.000đ, cần buộc bị cáo phải nộp tiếp 14.700.000đ sung quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo và bà P xác định bị cáo có hứa cho bà P 8.800.000đ sau khi bà trả tiền xong cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không đồng ý cho bà P khoản tiền này vì xác định chưa lấy được tiền từ bà P thì đã bị Công an thu giữ. Xét đây là giao dịch dân sự riêng giữa bị cáo và bà P, không liên quan đến vụ án nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[9] Đối với số tiền 13.000.000đ, anh Nguyễn Kim H1 vay của L, khi vay L có thỏa thuận cho H1 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, đã trả L 10.000.000đ tiền gốc, không lấy lãi. Số tiền còn là 3.000.000đ, L đã tính lãi cùng với khoản vay của bà P từ ngày 09/7/2018 đến 27/4/2020. Ngày 09/11/2020, bà P đã trả cho Hưng số tiền vay 3.000.000đ trên, không tính lãi khoản vay. Do đó, việc L cho anh H1 vay tiền cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Đối với anh Bùi Văn H là chồng của bị cáo L, không biết việc L sử dụng tài sản chung của vợ chồng để cho bà P vay tiền nên không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp.

[11] Đối với hành vi L cho anh Bùi Thành T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H3 vay đúng theo quy định của Bộ luật dân sự nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[12] Đối với hành vi L cho anh Nguyễn Văn G, anh Trương Văn S vay, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tuy nhiên, L chưa thu được lãi; anh S, anh G không có mặt tại địa phương nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 35, Điều 36, điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Giao Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Trả lại bà Phạm Thị P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 938 QSDĐ/An Sinh, mang tên hộ ông Nguyễn Kim L, bà Phạm Thị P;

- Trả lại anh Nguyễn Kim H1 01 chứng minh nhân dân số 101318361, mang tên Nguyễn Kim H1, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/6/2014;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L 01 căn cước công dân số 030170002449 mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 12/7/2017, 01 sổ hộ khẩu mang tên: Hoàng Văn H số 270706907, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị M, 06 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị H3, 03 giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh T, 06 giấy vay tiền chưa ghi nội dung để bị cáo quản lý.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo tổng số tiền là 32.299.178đ; Trả lại bà P 76.900.822đ; trả lại anh Bùi Văn H 17.000.000đ; Đối trừ với số tiền đã thu là 111.500.000đ, buộc bị cáo phải nộp tiếp 14.700.000đ sung quỹ Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh).

4. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THA thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang